TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2025
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thiện.

2. Ông Lê Thành Nam.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3- Bắc Ninh.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Bắc Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 (thụ lý số 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cũ) về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn YB, xã BH, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã BH, tỉnh Bắc Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Thôn YB, xã BH, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Chị Lê Thị H trình bày:

Chị và Anh Lê Văn H có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (nay là xã BH, tỉnh Bắc Ninh). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nên hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hòa giải được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị xin ly hôn với Anh Lê Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tống đạt các văn bản hợp lệ nhưng Anh Lê Văn H không có bản khai trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2025, ông Nguyễn Ngọc T – Trưởng Thôn YB, xã BH cung cấp: Chị H và Anh H kết hôn từ năm 2020. Sau khi kết hôn thì Anh H chuyển về nhà Chị H sống chung. Việc Chị H và Anh H mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ông không nắm được, tuy nhiên, thời gian gần đây ông được biết vợ chồng Chị H, Anh H thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử cho Lê Thị Huệ được ly hôn Anh Lê Văn H. Chị Lê Thị H được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả Chị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H yêu cầu được ly hôn với Anh H nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc ly hôn; Anh H có nơi cư trú tại xã BH, tỉnh Bắc Ninh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 3, Điều 4 và Phục lục kèm theo của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Bắc Ninh.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Anh Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị H và Anh H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và Anh H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (nay là xã BH, tỉnh Bắc Ninh). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của Chị H xác minh tại địa phương, có đủ cơ sở xác định: Chị H và Anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa Chị H và Anh H là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Chị H xin ly hôn Anh H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Chị H và Anh H không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị H thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị H: Xử cho Chị Lê Thị H được ly hôn Anh Lê Văn H.

3. Về tiền án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho Chị Lê Thị H. Hoàn trả Chị Lê Thị H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001947 ngày 07/3/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3-Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã BH, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Trang